

**QUYẾT ĐỊNH**

**Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Sở Xây dựng Đồng Nai**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 143/BC-SKHĐT ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc Thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Sở Xây dựng Đồng Nai.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Sở Xây dựng Đồng Nai, với nội dung chi tiết theo Phụ lục II, II đính kèm.

**Điều 2.** Sở Xây dựng chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định và lưu ý:

- Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn để có tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu phù hợp, khi ký hợp đồng với nhà thầu có thỏa thuận rõ, tránh việc nhà thầu thắc mắc yêu cầu bổ sung kế hoạch vốn.

- Chủ đầu tư quản lý đầu tư xây dựng công trình theo quy định. Lưu ý trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo và ký hợp đồng, tổ chức điều chỉnh dự toán (nếu có) phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thực hiện mua sắm thiết bị đảm bảo theo quy định tại điểm a Mục 4 Phần I; Mục 5 Phần I Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 04/4/2017 về việc tăng cường sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thương xuyên sử dụng vốn nhà nước, trong đó quy định: “*Khi lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải căn cứ danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu, thuốc và vật tư y tế trong nước sản xuất được trên trang thông tin*

điện tử của các bộ quản lý chuyên ngành để xây dựng cho phù hợp với quy định; Khi lập và phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không được đưa ra yêu cầu hoặc định hướng đối với việc nhà thầu tham dự thầu phải chào hàng hóa nhập khẩu khi hàng hóa trong nước đã sản xuất hoặc lắp ráp được đáp ứng yêu cầu chất lượng, số lượng, giá cả”.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.



**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Tấn Đức**



## PHỤ LỤC I KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

*Kiểm theo Quyết định số 84 /QĐ-UBND ngày 03 /3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai*

| S<br>T<br>T | Tên gói thầu                                                                                                                                                                                          | Giá gói thầu<br>(đồng)                                                                                    | Nguồn<br>vốn                              | Hình<br>thức lựa<br>chọn<br>nhà thầu                            | Phương<br>thức lựa<br>chọn<br>nhà<br>thầu | Thời gian<br>bắt đầu<br>tổ chức<br>lựa chọn<br>nhà thầu | Loại<br>hợp<br>đồng | Thời gian thực<br>hiện hợp đồng               |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------|
| 1           | Gói thầu số 01 (xây dựng):<br>Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm<br>việc Sở Xây dựng; nội dung<br>công việc theo Quyết định số<br>4894/QĐ-UBND ngày<br>24/12/2020 của Chủ tịch<br>UBND tỉnh.                | 3.517.742.000<br>(Ba tỷ, năm trăm<br>mười bảy triệu, bốn<br>bảy trăm bốn<br>mười hai nghìn<br>đồng chẵn). | Ngân sách<br>tỉnh<br>(nguồn sự<br>nghĩệp) | Chào<br>hàng<br>cạnh<br>tranh<br>thông<br>thường<br>qua<br>mạng | Một giai<br>đoạn một<br>túi hồ sơ         | Quý I năm<br>2021                                       | Trọn<br>gói         | Tối đa 180 ngày<br>kể từ ngày ký hợp<br>đồng  |
| 2           | Gói thầu số 02 (thiết bị):<br>Cung cấp và lắp đặt thiết bị<br>công trình Sửa chữa, cải tạo<br>Trụ sở làm việc Sở Xây<br>dựng, bao gồm số lượng và<br>chủng loại thiết bị theo Phụ<br>lục II đính kèm. | 664.085.000<br>(Sáu trăm sáu<br>mười bốn triệu,<br>không trăm tám<br>mười lăm nghìn<br>đồng chẵn).        | Ngân sách<br>tỉnh<br>(nguồn sự<br>nghĩệp) | Chỉ định<br>thầu rút<br>gọn                                     |                                           | Quý I năm<br>2021                                       | Trọn<br>gói         | Tối đa 120 ngày<br>kể từ ngày ký hợp<br>đồng. |

|                                  |                                                                                                        |                                                                                                      |                                     |                       |  |                |          |                                                                                |
|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|--|----------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 3                                | Gói thầu số 03 (tư vấn):<br>Quản lý dự án.                                                             | 118.576.000<br>(Một trăm mười tám triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn).                     | Ngân sách tỉnh<br>(nguồn sự nghiệp) | Chỉ định thầu rút gọn |  | Quý I năm 2021 | Trọn gói | Tối đa 210 ngày kể từ ngày ký hợp đồng                                         |
| 4                                | Gói thầu số 04 (tư vấn): Lập hồ sơ yêu cầu (E-HSMT) và đánh giá hồ sơ đề xuất (E-HSDT) Gói thầu số 01. | 8.770.000<br>(Tám triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).                                         | Ngân sách tỉnh<br>(nguồn sự nghiệp) | Chỉ định thầu rút gọn |  | Quý I năm 2021 | Trọn gói | Tối đa 20 ngày lập E-HSMT và 10 ngày đánh giá E-HSDT.                          |
| 5                                | Gói thầu số 05 (tư vấn): Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01.       | 3.197.000<br>(Ba triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn đồng chẵn).                                     | Ngân sách tỉnh<br>(nguồn sự nghiệp) | Chỉ định thầu rút gọn |  | Quý I năm 2021 | Trọn gói | Tối đa 15 ngày thẩm định E-HSMT và 10 ngày thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu |
| 6                                | Gói thầu số 06 (tư vấn): Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị gói thầu số 01, 02.            | 107.354.000<br>(Một trăm linh bảy triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng chẵn).                      | Ngân sách tỉnh<br>(nguồn sự nghiệp) | Chỉ định thầu rút gọn |  | Quý I năm 2021 | Trọn gói | Tối đa 180 ngày kể từ ngày ký hợp đồng                                         |
| 7                                | Gói thầu số 07 (tư vấn): Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng.                             | 21.223.000<br>(Hai mươi một triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn đồng chẵn).                            | Ngân sách tỉnh<br>(nguồn sự nghiệp) | Chỉ định thầu rút gọn |  | Quý I năm 2021 |          | Tối đa 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.                                         |
| <b>Tổng giá trị các gói thầu</b> |                                                                                                        | <b>4.440.947.000 đồng (Bốn tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng chẵn).</b> |                                     |                       |  |                |          |                                                                                |

**PHỤ LỤC II KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**  
 (Kèm theo Quyết định số 684 /QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của Chủ tịch  
 UBND tỉnh Đồng Nai).



Đơn vị tính: Đồng

| STT                                                                              | Nội dung chi phí                                                     | Kí hiệu | Số lượng | Thành tiền         |
|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------|----------|--------------------|
| <b>Gói thầu số 01 (xây dựng): Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Sở Xây dựng.</b> |                                                                      |         |          |                    |
| 1                                                                                | Hệ thống âm thanh, máy chiếu Hội trường                              | HT      | 1        | 110.000.000        |
| 2                                                                                | Hệ thống âm thanh, máy chiếu truyền thống, phòng họp nhỏ             | HT      | 2        | 176.000.000        |
| 3                                                                                | Màn hình Led thông tin tại sảnh hội trường (khoảng 6m <sup>2</sup> ) | Bộ      | 1        | 119.256.000        |
| 4                                                                                | Băng ghế chờ cho khách trước phòng tiếp dân                          | Bộ      | 3        | 9.669.000          |
| 5                                                                                | Bàn ghế làm việc                                                     | Bộ      | 15       | 45.000.000         |
| 6                                                                                | Tủ, kệ đựng hồ sơ                                                    | Cái     | 15       | 57.750.000         |
| 7                                                                                | Máy điều hòa không khí 2Hp                                           | Bộ      | 4        | 86.000.000         |
| 8                                                                                | Thiết bị báo cháy tự động + chống sét                                |         |          |                    |
| -                                                                                | Nguồn dự phòng UPS 3KVA                                              | Bộ      | 1        | 27.000.000         |
| -                                                                                | Trung tâm báo cháy 12 zones + acquy 24VDC                            | Bộ      | 1        | 11.520.000         |
| -                                                                                | Thiết bị xung cắt sét 40KA                                           | Bộ      | 1        | 4.500.000          |
| -                                                                                | Kim thu sét phát xạ sớm bán kính bảo vệ cấp 3; R=107m                | Cái     | 1        | 17.390.000         |
|                                                                                  | <b>Tổng cộng</b>                                                     |         |          | <b>664.085.000</b> |

